Tiết 16

**ÔN TẬP HỌC KÌ i**

**Thời gian thực hiện: 01 tiết**

**I. Mục tiêu**

**1. Về kiến thức:**

- HS được củng cố các kiến thức về *tam giác đều, hình vuông, lục giác đều, hình chữ nhật, hình thoi, hình bình hành, hình thang cân*

- Củng cố các công thức tính chu vi, diện tích của một số đối tượng có dạng đặc biệt nói trên.

- HS được củng cố các kiến thức về đối xứng tâm, đối xứng trục và những ứng dụng của chúng trong thực tế.

**2. Về năng lực:**

- Năng lực tự chủ, tự học: Học sinh tự ôn lại kiến thức về các hình phẳng; các công thức tính chu vi, diện tích; tự thực hiện nhiệm vụ mà giáo viên giao.

- Năng lực tư duy và lập luận toán học: So sánh, phân tích, tổng hợp, khái quát hóa, biết lập luận hợp lí trước khi kết luận; điều chỉnh cách thức giải quyết vấn đề về phương diện toán học.

- Năng lực mô hình hóa toán học: Chuyển vấn đề thực tiễn thành vấn đề toán học liên quan đến đo chu vi, tính diện tích

- Năng lực giải quyết vấn đề toán học: Nhận biết, phát hiện vấn đề cần giải quyết; đề xuất, lựa chọn được cách thức, giải pháp giải quyết vấn đề; sửa dụng được các kiến thức, kĩ năng toán học tương thích để giải quyết vấn đề đặt ra; ...

- Năng lực giao tiếp toán học: Nghe hiểu, đọc hiểu và ghi chép được các thông tin toán học cần thiết; trình bày, diễn đạt được các nội dung, ý tưởng, giải pháp toán học; sử dụng hiệu quả ngôn ngữ toán học; ...

- Năng lực sử dụng công cụ, phương tiện toán học: sử dụng thành thạo công cụ thước thẳng; phương tiện khoa học công nghệ.

**3. Về phẩm chất:**

- Yêu nước: Yêu thiên nhiên, yêu con người lao động (bài tập 8)

- Nhân ái: Tôn trọng sự khác biệt của những người xung quanh, không phân biệt đối xử giữa mọi người.

- Trung thực: Tôn trọng lẽ phải, ngay thẳng, thật thà.

- Trách nhiệm: Có trách nhiệm đến môi trường sống.

**HSKT:** Nhận biết được tam giác đều, hình vuông, lục giác đều, hình chữ nhật, hình thoi, hình bình hành, hình thang cân với các đặc điểm của các hình đó

**II. Thiết bị dạy học và học liệu**

**-Thiết bị dạy học:** Bảng thông minh, máy tính xách tay, thước thẳng, phấn màu

**- Học liệu:** SGK, SBT, KHBD (word và powerpont).

**III. Tiến trình dạy học**

**A: Khởi động (05’)**

a) Mục tiêu:

- HS hệ thống hóa lại các kiến thức đã học về các hình phẳng và công thức tính chu vi, diện tích

- Hình thành các năng lực: tự chủ, tự học; giải quyết vấn đề toán học; giao tiếp toán học.

b) Nội dung: HS động não, sử dụng hiểu biết để thực hiện.

c) Sản phẩm: Các kiến thức về các hình phẳng trong chương III

d) Tổ chức thực hiện:

**\* Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**

GV chiếu sơ đồ tư duy đã vẽ sẵn các hình và yêu cầu HS cho biết nội dung kiến thức của mỗi hình

**\* Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**

- Cả lớp quan sát sơ đồ tư duy

- HS dưới lớp xung phong trả lời.

- GV điều khiển để giúp HS thực hiện nhiệm vụ của HS.

**\* Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**

- Qua mỗi câu trả lời, HS dưới lớp nhận xét câu trả lời của bạn.

**\* Bước 4: Kết luận, nhận định:**

- GV đánh giá kết quả của HS, trên cơ sở đó dẫn dắt HS vào nội dung bài tập

**B. Ôn tập**

**Hoạt động 1: Dạng 1: Gấp hình**

a) Mục tiêu: Củng cố kiến thức về hình chữ nhật. Rèn kỹ năng vẽ hình, sự khéo léo. Hình thành các năng lực: tự chủ, tự học; giải quyết vấn đề toán học; giao tiếp toán học, sử dụng các công cụ toán học.

b) Nội dung: Yêucầu HS hoạt động cá nhân, làm bài tập 1 (sgk/117).

c) Sản phẩm: HS tự thực hiện và tạo ra được hình hộp có nắp

d) Tổ chức thực hiện:

**\* Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**

- GV giao cho HS thực hiện cá nhân làm bài 1 (sgk/117).

**\* Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**

- HS dưới lớp với sự chuẩn bị của mình quan sát hình 96, làm theo yêu cầu của GV.

**\* Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**

- Quan sát một số sản phẩm HS tạo ra, GV và HS dưới lớp nhận xét về sản phẩm của bạn.

**\* Bước 4: Kết luận, nhận định:**

- GV nhận xét, đánh giá về thái độ, quá trình làm việc, kết quả hoạt động và chốt kiến thức để chuyển sang Dạng tiếp theo.

**Hoạt động 2: Dạng 2: Tính chu vi**

a) Mục tiêu: Tiếp tục củng cố kiến thức về tính chu vi của một số hình phẳng.. Hình thành các năng lực: tự chủ, tự học; giải quyết vấn đề toán học; giao tiếp toán học.

b) Nội dung: Yêucầu HS hoạt động nhóm làm bài tập 5 (sgk/117) GV chụp bài của HS, chiều lên bảng và chốt kiến thức.

c) Sản phẩm: HS tự thực hiện được bài tập 5 (sgk/117).

d) Tổ chức thực hiện:

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Nội dung** |
| **\* Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  - GV chia lớp thành 4 nhóm:  + Nhóm 1: Giải bt 5 phần a (sgk.117)  + Nhóm 2: Giải bt 5 phần b (sgk.117)  + Nhóm 3: Giải bt 5 phần c (sgk.117)  + Nhóm 4: Giải bt 5 phần d (sgk.117)  **\* Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  + Các nhóm thảo luận, trao đổi tìm ra cách giải và kết quả.  + GV hướng dẫn, quan sát, giúp đỡ.  **\* Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  + GV gọi đại diện 4 nhóm lên bảng trình bày.  + Các nhóm nhận xét, đánh giá chéo  **\* Bước 4: Kết luận, nhận định:**  - GV nhận xét, đánh giá về thái độ, quá trình làm việc, kết quả hoạt động và chốt kiến thức để chuyển sang Dạng tiếp theo. | **Bài 5/sgk.117**  a) Một hình thoi có cạnh 4cm thì chu vi của nó bằng: 4 x 4 = 16cm  b) Một hình vuông có chu vi 40cm thì cạnh của nó bằng: 40 : 4 = 10 cm  c) Một hình chữ nhật có chu vi 30 cm và chiều rộng là 7cm thì chiều dài của nó bằng: 8 cm  d) Một hình chữ nhật có chu vi 36 cm và chiều dài gấp đôi chiều rộng thì chiều dài bằng 12cm, chiều rộng bằng 6cm |

**Hoạt động 3: Dạng 3: Tính diện tích**

a) Mục tiêu: Tiếp tục củng cố kiến thức về tính diện tích của một số hình phẳng.. Hình thành các năng lực: tự chủ, tự học; giải quyết vấn đề toán học; giao tiếp toán học.

b) Nội dung: Yêucầu HS hoạt động nhóm làm bài tập 7 (sgk/118) GV chụp bài của HS, chiều lên bảng và chốt kiến thức.

c) Sản phẩm: HS tự thực hiện được bài tập 7 (sgk/118).

d) Tổ chức thực hiện:

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Nội dung** |
| **\* Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  - GV yêu cầu học sinh làm bài tập 7/sgk 118 ( hình 97)  **Bài 7/sgk.118**  - Quan sát hình 97 để tính được diện tích phần tô xanh ta làm ntn?  - Gợi ý nếu HS không trả lời được  + Hình 97 được tạo nên từ các hình nào?  + Các hình đó có công thức tính diện tích chưa?  + Nhắc lại công thức tính diện tích các hình đó?  + Vậy diện tích phần tô xanh hình 97 được tính ntn?  **\* Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  + HS trả lời câu hỏi của GV  + HS thực hiện nhiệm vụ giải bài tập  + GV hướng dẫn, quan sát, giúp đỡ.  **\* Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  + GV gọi 1 HS lên bảng trình bày.  + HS dưới lớp nhận xét, đánh giá, bổ sung  **\* Bước 4: Kết luận, nhận định:**  - GV nhận xét, chuẩn kiến thức | **Bài 7/sgk.118**  Diện tích hình vuông là:  13 . 13 = 169 (cm2)  Diện tích hình chữ nhật là:  13 . 3 = 39 (cm2)  Diện tích hình thang là:   Hình thoi có diện tích là:   Tổng diện tích phần màu xanh trên Hình 97 là:  169 + 39 + 154 + 120 = 482 (cm2)  Vậy phần màu xanh trong Hình 97 có diện tích là 482 cm2. |

**C: Luyện tập, vận dụng**

a) Mục tiêu: Củng cố kiến thức về đối xứng tâm, đối xứng trục. Rèn kỹ năng nhận ra các yếu tố đối xứng với nhau trên mỗi hình có tính đối xứng. Hình thành các năng lực: tự chủ, tự học; giải quyết vấn đề toán học; giao tiếp toán học, sử dụng các công cụ toán học.

b) Nội dung: Yêucầu HS hoạt động theo nhóm tổ, làm bài tập 2 (sgk/117).

c) Sản phẩm: Các nhóm trả lời đáp án ra bảng nhóm.

d) Tổ chức thực hiện:

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Nội dung** |
| **\* Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  - GV chia lớp thành 5 nhóm:  + Nhóm 1: (1) Đoạn thẳng AB  + Nhóm 2: (2) Tam giác đều ABC  + Nhóm 3: (3) Hình tròn tâm O  + Nhóm 4: (4) Hình thang cân ABCD ( CD là đáy lớn)  + Nhóm 5: (5) Hình thoi ABCD  **\* Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  + Các nhóm thảo luận, trao đổi tìm ra cách giải và kết quả.  + GV hướng dẫn, quan sát, giúp đỡ.  **\* Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  + GV gọi đại diện 5 nhóm lên bảng trình bày.  + Các nhóm nhận xét, đánh giá chéo  **\* Bước 4: Kết luận, nhận định:**  - GV nhận xét, đánh giá về thái độ, quá trình làm việc, kết quả hoạt động và chốt kiến. | **Bài 2/sgk.117**  a) Hình có trục đối xứng:  +(1) Đoạn thẳng AB: Là đường thẳng đi qua trung điểm và vuông góc với AB.  +(2) Tam giác đều ABC: Là đường thẳng đi 1 đỉnh và trung điểm cạnh đối diện với đỉnh đó.  +(3) Hình tròn tâm O: Là đường thẳng đi qua tâm O.  + (4) Hình thang cân ABCD ( CD là đáy lớn): Là đường thẳng đi qua trung điểm của 2 đáy.  + (5) Hình thoi ABCD: Là đường thẳng đi qua 2 đỉnh đối diện ( 2 đường chéo)  b) Hình có tâm đối xứng:  +(1) Đoạn thẳng AB: Là trung điểm của AB.  +(3) Hình tròn tâm O: Là tâm O.  + (5) Hình thoi ABCD: là giao của 2 đường chéo. |

\* **Hướng dẫn HS tự học ở nhà:**

- Tìm thêm những ứng dụng khác trong thực tiễn cuộc sống của hình có cấu trúc cân xứng.

- Ôn lại các kiến thức đã học chuẩn bị cho kiểm tra học kì I.